

Bản án số: 04/2023/KDTM-ST

Ngày: 20/3/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Nguyễn Thị Xuyên

2/- Ông Nguyễn Kiên Hiền

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/TLST-KDTM ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông P– đại diện Hộ kinh doanh, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số xx, đường Z, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông S là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền ngày 02/6/2021 về việc ủy quyền tham gia tố tụng). (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Đường N, phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty X

Trụ sở: Đường Y, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Bà H, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. (Theo Hợp đồng ủy quyền đại diện số 02/2021/-HĐĐVTVPPL ngày 12/5/2021 và Giấy ủy quyền lại số 02/2021/GUQ ngày 12/5/2021). (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Đường T, phường Z, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông P có ông T là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/02/2018, Công ty X (gọi tắt là X) ký hợp đồng mua nông sản với Hộ kinh doanh do ông P làm đại diện. Theo đó, hộ kinh doanh của ông P cung cấp nông sản, rau củ quả Đà Lạt cho X theo từng đơn hàng do X yêu cầu với quy cách, chất lượng, số lượng và tiêu chí an toàn vệ sinh thực phẩm như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền. Địa điểm giao hàng: 302-304 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Pthức thanh toán được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng như sau:

- X thanh toán cho Hộ kinh doanh của ông P bằng hình thức chuyển khoản;
- Công nợ 55 ngày. Thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, X nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng nên buộc cơ sở của ông P ngưng cung cấp hàng và chốt công nợ vào ngày 04/10/2019. Theo đó, công nợ chốt đến ngày 30/9/2019 X nợ Hộ kinh doanh của ông P số tiền là 2.758.207.716 (Hai tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, bảy trăm mười sáu) đồng. Theo sự xác nhận tại biên bản ký ngày 04/10/2019 thì từ ngày 25 đến ngày 28 hàng tháng, X có trách nhiệm trả cho cơ sở của ông P số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, bắt đầu từ tháng 10/2019, nhưng đến thời điểm hiện tại X đã không thanh toán cho cơ sở của ông P bất cứ lần nào. Thời hạn chưa thanh toán cho Hộ kinh doanh của ông P tính từ tháng 10/2019 đến ngày 10/6/2022 là 32 tháng. Lãi suất tính theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 10%/năm. Tiền lãi phát sinh trong 32 tháng (2 năm 8 tháng) là:

$$2 \text{ năm } 8 \text{ tháng} \times 10\%/\text{năm} \times 2.758.207.716 \text{ đồng} = 735.522.058 \text{ đồng}$$

Việc không thanh toán tiền nợ mua hàng và tiền lãi phát sinh đã gây ra rất nhiều khó khăn và thiệt hại cho Hộ kinh doanh của ông P.

Nay, đại diện Nguyên đơn yêu cầu Tòa buộc X thanh toán làm một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa có hiệu lực pháp luật cho ông P số tiền (tạm tính đến ngày 10/6/2022):

$$2.758.207.716 \text{ đồng (tiền gốc)} + 735.522.058 \text{ đồng (tiền lãi)} = 3.493.729.774 \text{ đồng.}$$

Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi cho đến khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty X có bà H là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Công ty X (gọi tắt là X) là Bị đơn trong vụ án dân sự sơ thẩm theo thụ lý số 56/2021/TLST-KDTM ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận 03 với Nguyên đơn là ông P – Đại diện hộ kinh doanh. Sau khi tiếp cận chứng từ và sao

chụp tài liệu ngày 31/5/2022, đại diện Bị đơn có ý kiến như sau: Xác nhận công nợ giữa X và ông P với số tiền: 2.758.207.716 (*Hai tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, bảy trăm mười sáu*) đồng là đúng. Bị đơn chấp thuận thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 2.758.207.716 (*Hai tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, bảy trăm mười sáu*) đồng. Do tình hình X gặp nhiều khó khăn nên X đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3 và Nguyên đơn chấp nhận cho X được miễn trả phần tiền lãi.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông P – đại diện Hộ kinh doanh có ông S là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày: Phía Nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc buộc Bị đơn phải thanh toán số tiền gốc là 2.758.207.716 (*Hai tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, bảy trăm mười sáu*) đồng. Về tiền lãi thì phía Nguyên đơn xác định có sự thay đổi so với đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu lãi suất là 10%/năm (trước đây tại đơn khởi kiện là 0.9%/tháng, tức 10.8%/năm). Về thời gian tính tiền lãi là từ 01/10/2019 đến hết tháng 02/2023 là 39 tháng, tức 3 năm 3 tháng với số tiền lãi là 896.417.275 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn là 3.654.524.000 (*Ba tỷ, sáu trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi bốn ngàn*) đồng. Yêu cầu Bị đơn thanh toán làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/3/2023 trở về sau, Nguyên đơn không yêu cầu Bị đơn phải trả lãi.

- Bị đơn Công ty X có bà H là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày: bà xác định phía Bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày trước đây. Bị đơn đồng ý trả số tiền nợ gốc là 2.758.207.716 (*Hai tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, bảy trăm mười sáu*) đồng. Về tiền lãi đề nghị Nguyên đơn xem xét cho Bị đơn miễn trả tiền lãi. Về P thức thanh toán, Bị đơn xin Nguyên đơn cho Bị đơn được thanh toán số tiền 300.000.000 đồng/quý cho đến khi dứt số nợ vì tình hình hiện nay của Bị đơn rất khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông P – Đại diện Hộ kinh doanh là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông P – đại diện Hộ kinh doanh khởi kiện bị đơn Công ty X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng kinh tế về việc thu mua nông sản cho X ngày 10/02/2018, nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2.]. Về thẩm quyền:

Theo Công văn số 2569/ĐKKD-T6 ngày 26/4/2021 về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: “Công ty X có trụ sở chính tại đường Y, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.. Đến nay Công ty chưa đăng ký giải thể”. Do Bị đơn có trụ sở tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1.] Về tiền hàng:

Tại phiên tòa cũng như tại các lời khai trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, giữa Nguyên đơn và Bị đơn đều xác nhận có ký kết Hợp đồng kinh tế về việc thu mua nông sản cho X ngày 10/02/2018, sau đó hai bên cũng đã ký xác nhận công nợ.

Căn cứ Biên bản xác nhận thanh toán ngày 04/10/2019, Bị đơn đã ký xác nhận công nợ với số nợ chót đến ngày 30/9/2019 là 2.758.207.716 đồng. Đồng thời cam kết mỗi tháng trả số tiền 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng, tháng 10/2019 là tháng bắt đầu thanh toán và kỳ thanh toán là từ ngày 25 đến ngày 28 hàng tháng.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận, buộc Bị đơn phải thanh toán tiền hàng còn thiếu của Hợp đồng kinh tế ngày 10/02/2018 là 2.758.207.716 (*Hai tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, bảy trăm mười sáu*) đồng làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2.] Về số tiền lãi do chậm thanh toán:

Tại khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng kinh tế ngày 10/02/2018 về việc thu mua nông sản cho X, giữa Nguyên đơn và Bị đơn có thỏa thuận lãi phạt do chậm thanh toán là 0.5%/ngày/tiền nợ quá hạn thanh toán.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2020 cũng như tại các lời khai trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán công nợ còn lại với mức lãi suất quá hạn tại thời điểm chậm thanh toán là 0.9%/tháng, tức 10.8%/năm.

Theo Công văn số 992/CNTPHCM-TH ngày 06/3/2023 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì mức lãi suất nợ quá hạn (đối với khách hàng là doanh nghiệp) là: 150% lãi suất cho vay trong hạn, tức $150\% \times 9.5\%/năm = 14.25\%/năm$.

Theo Công văn số 936/CV-QLN.23 ngày 10/3/2023 của Ngân hàng TMCP Á Châu thì mức lãi suất nợ quá hạn (đối với khách hàng là doanh nghiệp) là: 150% lãi suất cho vay trong hạn, tức $150\% \times 8.5\%/năm = 12.75\%/năm$.

Theo Công văn số 893/TB-BIDV.HCM ngày 20/3/2023 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì

mức lãi suất nợ quá hạn (đối với khách hàng là doanh nghiệp) là: 150% lãi suất cho vay trong hạn, tức $150\% \times 10.7\%/năm = 16.05\%/năm$.

Như vậy, lãi suất trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng Thương mại là: $14.25\%/năm + 12.75\%/năm + 16.05\%/năm = 14.35\%/năm$.

Nay, tại phiên tòa, đại diện Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm đồng thời không yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/3/2023 trở về sau, là có lợi cho Bị đơn, nghĩ nên chấp nhận.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn phải thanh toán số tiền lãi từ tháng 10/2019 cho đến hết tháng 02/2023 với số tiền là: 896.417.275 đồng ($= 2.758.207.716 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 3 \text{ năm } 3 \text{ tháng}$).

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 24, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông P – Đại diện Hộ kinh doanh:

Buộc Công ty X phải trả làm một lần cho ông P – Đại diện Hộ kinh doanh số tiền 3.654.524.000 (*Ba tỷ, sáu trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi bốn ngàn*) đồng ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền gốc là 2.758.207.716 đồng, số tiền lãi là 896.417.275 đồng.

Kể từ ngày ông P – đại diện Hộ kinh doanh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty X chậm thi hành án số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty X còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty X phải chịu 105.090.480 (*Một trăm lẻ năm triệu, không trăm chín mươi ngàn, bốn trăm tám mươi*) đồng.

Trả lại cho ông P – Đại diện Hộ kinh doanh số tiền 47.305.657 (*Bốn mươi bảy triệu, ba trăm lẻ năm ngàn, sáu trăm năm mươi bảy*) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0032817 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Phượng